

ITW Performance Polymers

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT ITW Performance Polymers ApS Products

PHẦN 1: Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

Mã phân loại sản phẩm theo GHS hoặc các nhận dạng khác của sản phẩm/hóa chất {Số CAS; số UN (nếu có); Số đăng ký EC (nếu có); Tên thương mại}

Tên sản phẩm	ITW Performance Polymers ApS Products
Tên đồng nghĩa; tên thương mại	Densit® Binder, Densit® Primer, Densiphalt®, Densitop®, RAM-Densit®, Densit® SkimCoat, Densit® WearCast, Densit® WearFlex, Densit® WearSpray, Ducorit®, Densit® Binder R, Densit® Coat Q

Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng

Mục đích sử dụng	Casting compound
------------------	------------------

Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối): Tên; địa chỉ; số điện thoại...

Nhà cung cấp	ITW Performance Polymers ApS Rørdalsvej 44 9220 Aalborg Denmark +45 9816 7011 customerservice.aalborg@itwpp.com
--------------	--

Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp

Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp	+44(0)1235 239 670 (24h)
---	--------------------------

PHẦN 2: Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại theo GHS và thông tin phân loại theo theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, khu vực, tổ chức thử nghiệm. (Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...)

Nguy hại vật chất	Không phân loại.
Nguy cơ về sức khỏe	Kích ứng da loại 2 - H315 Tổn thương mắt loại 1 - H318 Tác nhân nhạy da loại 1 - H317 Độc tính đến cơ quan cụ thể - phơi nhiễm đơn loại 3 - H335
Nguy cơ về môi trường	Không phân loại.

Các yếu tố nhãn theo GHS (Cảnh báo nguy hiểm, hướng dẫn bảo quản, sử dụng..)

Hình đồ cảnh báo



Từ cảnh báo

Nguy hiểm

Cảnh báo nguy cơ

H315 Gây kích ứng da.
H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.
H335 Có thể gây kích ứng hô hấp.

ITW Performance Polymers ApS Products

Biện pháp phòng ngừa P271 Chỉ được sử dụng ngoài trời hoặc trong khu vực thông gió tốt.
P280 Đeo găng tay/ quần áo/ kính/ mặt nạ bảo hộ.
P305+P351+P338 **NẾU ĐÍNH VÀO MẮT:** Rửa cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và để tháo. Tiếp tục rửa.

Bao gồm CEMENT

Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ...)

Chứa Canxi Oxit. Khi trộn với nước, nó tạo thành Canxi Hydroxit có tính ăn mòn da và mắt.

PHẦN 3: Thông tin về thành phần các chất

Hỗn hợp chất

CEMENT	20-90%
Số CAS: 65997-15-1	
Phân loại	
Kích ứng da loại 2 - H315	
Tổn thương mắt loại 1 - H318	
Tác nhân nhạy da loại 1 - H317	
Độc tính đến cơ quan cụ thể - phơi nhiễm đơn loại 3 - H335	

Văn bản đầy đủ của tất cả các câu cảnh báo nguy hại được hiển thị ở Phần 16.

PHẦN 4: Biện pháp sơ cứu về y tế

Mô tả các biện pháp tương ứng với các đường phơi nhiễm

Thông tin chung	Đưa người bị ảnh hưởng ra khỏi nguồn gây nhiễm. Không bao giờ được cho bất kỳ thứ gì qua đường miệng cho một người đang bất tỉnh. Tìm hỗ trợ y tế nếu sự khó chịu vẫn tiếp tục. Điều trị theo triệu chứng.
Đường thở	Đưa người bị ảnh hưởng ra nơi thoáng khí, giữ ấm và nghỉ ngơi ở tư thế thoải mái để hít thở. Tiếp tục quan sát người bị ảnh hưởng. Tìm hỗ trợ y tế. Đưa Phiếu Dữ liệu An toàn này cho nhân viên y tế. Đưa người bị ảnh hưởng ra nơi thoáng khí, giữ ấm và nghỉ ngơi ở tư thế thoải mái để hít thở.
Nướu phải	Rửa sạch miệng với nước. Uống nhiều nước. Uống sữa thay nước nếu có. Tiếp tục quan sát người bị ảnh hưởng. Không cố nôn ra. Nếu bị nôn mửa, đầu phải được giữ thấp để chất nôn không chảy vào phổi. Tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức. Đưa Phiếu Dữ liệu An toàn này cho nhân viên y tế. Tìm hỗ trợ y tế nếu sự khó chịu vẫn tiếp tục.
Tiếp xúc với da	Cởi quần áo bị nhiễm hóa chất ngay lập tức và rửa da với xà phòng và nước. Loại bỏ hóa chất dính trên da ngay lập tức là điều quan trọng. Tìm hỗ trợ y tế nếu sự khó chịu vẫn tiếp tục.
Tiếp xúc với mắt	Rửa ngay với nhiều nước. Tháo kính áp tròng nếu có và mở to mắt. Tiếp tục rửa trong ít nhất 15 phút. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa. Đưa Phiếu Dữ liệu An toàn này cho nhân viên y tế.

Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này

Thông tin chung	Mức độ nghiêm trọng của các triệu chứng được mô tả sẽ khác nhau tùy thuộc vào nồng độ và thời gian tiếp xúc.
Đường thở	Kích ứng mũi, họng hoặc đường thở.
Nướu phải	Có thể gây khó chịu nếu nướu phải.
Tiếp xúc với da	Kích ứng da.
Tiếp xúc với mắt	Có thể gây kích ứng mắt trầm trọng.

ITW Performance Polymers ApS Products

Các chỉ thị và hướng dẫn cấp cứu đặc biệt cần thiết

Ghi chú cho bác sĩ Điều trị theo triệu chứng.

PHẦN 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Các phương tiện chữa cháy thích hợp

Các phương tiện chữa cháy thích hợp Dập lửa với bột chống cồn, cacbon dioxit, bột khô hoặc bình xịt phun sương.

Các phương tiện chữa cháy không thích hợp Không sử dụng bình xịt nước để dập lửa, vì việc này sẽ làm lan rộng đám cháy.

Các chất độc được sinh ra khi bị cháy

Những nguy hại cụ thể No unusual fire or explosion hazards noted.

Sản phẩm độc của phản ứng cháy Chưa biết.

Phương tiện, trang phục bảo hộ và cảnh báo cần thiết khi chữa cháy

Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa Đeo bình thở dưỡng khí oxy áp lực dương và mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

PHẦN 6: Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố

Phòng ngừa đối với cá nhân Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này. Tránh tiếp xúc với mắt. Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này. Tránh hít phải bụi và hơi. Tránh tiếp xúc với da và mắt.

Các cảnh báo về môi trường

Phòng ngừa về môi trường Tránh xả thải vào ống thoát nước.

Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố

Các biện pháp vệ sinh Thu gom bột bằng cách sử dụng máy hút bụi đặc biệt với bộ lọc hạt vật chất hoặc cẩn thận quét vào thùng xử lý chất thải bỏ phù hợp và niêm phong an toàn. Tránh sản sinh và phân tán bụi. Giội rửa khu vực bị ô nhiễm với nhiều nước.

Tham chiếu đến các phần khác

Tham chiếu đến các phần khác Thu gom và thải bỏ tràn đổ như đã nêu ở Phần 13.

PHẦN 7: Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm

Biện pháp phòng ngừa khi sử dụng Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt. Rửa tay và các chỗ bị nhiễm hóa chất trên cơ thể với xà phòng và nước trước khi rời khỏi khu làm việc. Do not eat, drink or smoke when using the product. Tránh hít phải bụi và tiếp xúc với da và mắt.

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản

Phòng ngừa khi lưu trữ Chỉ chứa trong thùng chứa gốc. Đóng kín thùng chứa khi không sử dụng. Không lưu trữ gần các chất liệu không tương thích (xem Phần 10).

Mục đích sử dụng cuối cùng

Mục đích sử dụng cuối cùng Các công dụng đã được xác định của sản phẩm này được trình bày trong Phần 1.

PHẦN 8: Kiểm soát phơi nhiễm/yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

ITW Performance Polymers ApS Products

Kiểm soát phơi nhiễm

Thiết bị bảo hộ



Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp Cung cấp đầy đủ hệ thống thông gió chung và quạt hút thông gió khu vực. Xem tất cả các giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp của sản phẩm hoặc của các thành phần.

Bảo hộ mắt/mặt

Đeo kính bảo hộ. Phải đeo thiết bị bảo hộ cá nhân cung cấp sự bảo vệ mắt và mặt phù hợp.

Bảo hộ tay

Phải đeo găng tay chống hóa chất, chống thấm tuân theo tiêu chuẩn đã được phê duyệt nếu đánh giá rủi ro cho thấy việc tiếp xúc với da có thể xảy ra. Loại găng tay thích hợp nhất nên được lựa chọn sau khi tham vấn với nhà cung cấp/nhà sản xuất găng tay, những người có thể cung cấp thông tin về thời gian thẩm thấu của chất liệu làm găng. Găng tay được lựa chọn phải có thời gian thẩm thấu ít nhất 8 giờ. Để bảo vệ tay khỏi hóa chất, đeo găng tay đã được chứng minh là kháng hóa chất và chống ăn mòn.

Bảo hộ khác cho da và cơ thể

Mặc quần áo bảo hộ phù hợp để bảo vệ khỏi sự bắn tóe hoặc nhiễm hóa chất.

Biện pháp vệ sinh cá nhân

Sử dụng các kiểm soát kỹ thuật để giảm thiểu ô nhiễm không khí về mức độ phơi nhiễm cho phép. Rửa vào cuối mỗi ca làm việc và trước khi ăn, hút thuốc và sử dụng toilet. Cởi bỏ ngay lập tức quần áo vừa bị nhiễm hóa chất.

Bảo vệ đường hô hấp

Nếu hệ thống thông gió kém, phải đeo thiết bị bảo vệ hô hấp phù hợp. Việc lựa chọn mặt nạ phải dựa trên mức độ phơi nhiễm, nguy hại của sản phẩm và giới hạn an toàn nơi làm việc của mặt nạ được chọn lựa. Mặt nạ phải vừa với khuôn mặt và bộ lọc phải được thay thường xuyên. Đeo mặt nạ hợp với bộ lọc sau: Bộ lọc hạt, loại P2. Điều này thể hiện tiêu chuẩn tối thiểu được yêu cầu và nên sử dụng sự bảo vệ tốt hơn nếu có. Phải sử dụng mặt nạ hô hấp nửa mặt và một phần tư mặt với hộp lọc có thể thay thế được phù hợp với mục đích sử dụng. Phải sử dụng mặt nạ hô hấp nửa mặt dùng một lần phù hợp với mục đích sử dụng.

PHẦN 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Thông tin về tính chất lý, hóa cơ bản của hóa chất

Bề ngoài	solid
Màu sắc	Xám.
Độ pH	~13 (Hỗn hợp sẵn sàng để sử dụng)

PHẦN 10: Mức độ ổn định và phản ứng của hóa chất

Khả năng phản ứng	Không có phản ứng nguy hại nào được biết đến của sản phẩm này.
Tính ổn định	Bền ở nhiệt độ thường và được sử dụng như khuyến nghị.
Khả năng phản ứng nguy hiểm	Không áp dụng.
Các điều kiện cần tránh	Chưa biết.
Các vật liệu cần tránh	Axit mạnh. Kiềm mạnh. Chất oxy hóa mạnh.
Các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	Chưa biết.

PHẦN 11: Thông tin về độc tính

ITW Performance Polymers ApS Products

Thông tin về tác động của độc tính

Đường thở	Có thể gây kích ứng hệ hô hấp.
Tiếp xúc với da	Gây kích ứng da. Có thể gây mẫn cảm khi tiếp xúc với da.
Tiếp xúc với mắt	Kích ứng trầm trọng, bỏng rát, chảy nước mắt. Nguy cơ hủy hoại mắt nghiêm trọng.

PHẦN 12: Thông tin về sinh thái

Độc tính Không được cho là gây độc cho cá.

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy Không có dữ liệu về tính phân hủy sinh học của sản phẩm này.

Khả năng tích lũy sinh học

Khả năng tích lũy sinh học Không có dữ liệu về độ tích tụ sinh học.

Độ linh động trong đất

Độ linh động Sản phẩm này không bay hơi.

Các tác hại khác

Các tác hại khác Chưa biết.

PHẦN 13: Thông tin về thải bỏ

Các biện pháp xử lý chất thải

Thông tin chung Chất thải được phân loại là chất thải nguy hại. Thải bỏ chất thải ở khu xử lý chất thải có giấy phép theo yêu cầu của Cơ quan Xử lý Chất thải địa phương.

Các phương pháp thải bỏ Thải bỏ chất thải ở khu xử lý chất thải có giấy phép theo yêu cầu của Cơ quan Xử lý Chất thải địa phương.

PHẦN 14: Thông tin khi vận chuyển

Chung Các quy định quốc tế về việc vận chuyển hàng nguy hiểm không bao gồm sản phẩm này (IMDG, IATA, đường bộ/đường sắt). Không quy định.

Số UN

Không áp dụng.

Tên phương tiện vận chuyển đường biển

Không áp dụng.

Loại nhóm hàng nguy hiểm trong vận chuyển

Không áp dụng.

Quy cách đóng gói (nếu có)

Không áp dụng.

Độc môi trường (chất ô nhiễm đại dương)

Chất gây nguy hại cho môi trường/ chất ô nhiễm thủy sinh
Không.

Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý, cần tuân thủ trong vận chuyển.

ITW Performance Polymers ApS Products

Không áp dụng.

Vận chuyển trong tàu lớn Không áp dụng.

PHẦN 15: Thông tin về pháp luật

PHẦN 16: Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất

Ngày sửa đổi 01/01/2022

Sửa đổi 9

Ngày thay thế 18/01/2021

Câu cảnh báo nguy hại đầy đủ H315 Gây kích ứng da.
H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.
H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
H335 Có thể gây kích ứng hô hấp.

Thông tin này chỉ áp dụng cho chất liệu cụ thể được ghi rõ và có thể vô giá trị khi chất liệu này được sử dụng kết hợp với chất liệu khác hoặc trong quá trình khác. Thông tin này, dựa trên kiến thức tốt nhất và niềm tin của công ty, là chính xác và đáng tin cậy kể từ ngày được ghi. Tuy nhiên, không có bảo đảm hoặc tuyên bố chính thức nào về tính chính xác, độ tin cậy hoặc tính trọn vẹn của thông tin. người sử dụng tự có trách nhiệm trong việc sử dụng thông tin phù hợp với yêu cầu sử dụng riêng của bản thân.